

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

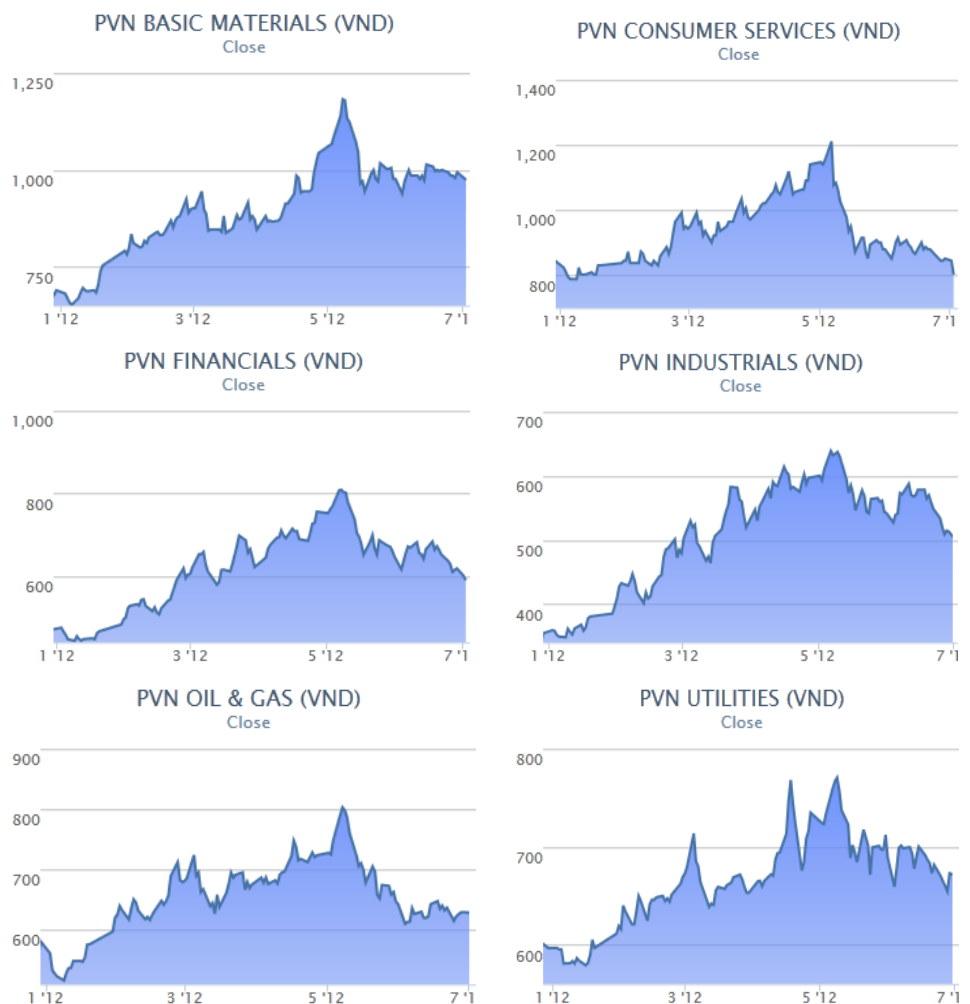


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	784.4	↓ -10.51	↓ -1.32
PVN All-Share Continuous	669.5	↓ -3.19	↓ -0.47
PVN All-Share	652.42	↓ -3.23	↓ -0.49
PVN All-Share HSX	698.09	↓ -2.67	↓ -0.38
PVN All-Share HNX	577.37	↓ -6.62	↓ -1.13
PVN Vật Liệu Cơ Bản	973.91	↓ -5.8	↓ -0.59
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	802.82	↓ -42.25	↓ -5
PVN Tài Chính	590.49	↓ -10.51	↓ -1.75
PVN Công Nghiệp	486.47	↓ -13.37	↓ -2.68
PVN Dầu Khí	627.64	↓ -0.33	↓ -0.05
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	658.52	↓ -11.99	↓ -1.79

Chỉ số Ngành



Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản

• PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng

• PVN Tài Chính
- PVN Công Nghiệp

• PVN Dầu Khí

• PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong rổ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	413.09 ↓	-6.21	-1.48%
KLGD (triệu ck)	43.27 ↑	4.66	12.08%
GTGD (tỷ đồng)	678.71 ↑	58.23	9.39%
Tổng cung (triệu ck)	73.27 ↓	-72.35	-49.68%
Tổng cầu (triệu ck)	85.40 ↓	-50.86	-37.33%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	3.89 ↓	-0.54	-12.23%
KL bán (triệu ck)	2.49 ↓	-1.44	-36.71%
Giá trị mua (tỷ đồng)	74.74 ↑	7.28	10.80%
Giá trị bán (tỷ đồng)	56.91 ↑	7.60	15.42%

Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat) thông báo tỷ lệ thất nghiệp của Eurozone tăng từ 11% trong tháng 4 lên 11.1% trong tháng 5, mức cao nhất kể từ khi số liệu này bắt đầu được thống kê vào năm 1995. Tây Ban Nha vẫn là nước có tỷ lệ thất nghiệp cao nhất tại Eurozone với 24.6%.

Trong một báo cáo mới ra, HSBC cho rằng, lạm phát của Việt Nam đã giảm tốc và có khả năng sẽ chỉ dừng ở mức một con số trong năm 2012 và 2013. Tốc độ tăng trưởng có khả năng sẽ bắt đầu hồi phục trong 6 tháng cuối năm nay. Đây là dấu hiệu cho thấy Việt Nam đang đi đúng hướng và giai đoạn khó khăn nhất của nước ta có thể đã qua.

Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia vừa trình Chính phủ báo cáo tình hình kinh tế 6 tháng đầu năm và dự báo cả năm 2012, trong đó có một số điểm đáng chú ý như sau:

- Tính chung 6 tháng đầu năm, tín dụng chỉ ước tăng 0,4%, tín dụng năm ước tính chỉ tăng khoảng 8%. Theo ước tính của Ủy ban, tăng trưởng GDP năm 2012 sẽ đạt khoảng 5,3% -5,6% thấp hơn nhiều mức tăng trưởng mục tiêu 6,5% mà Chính phủ đã đề ra.
- Lạm phát cuối năm khoảng 6%. Trên cơ sở dự báo này, dư địa công cụ lãi suất hiện chỉ còn khoảng 100 điểm cơ bản. Chênh lệch lãi suất VND và USD đã giảm khá nhiều, nếu giảm nhiều hơn nữa sẽ gây ảnh hưởng đến sự ổn định của tỷ giá.

Công Ty CPCK Dầu khí

18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39343888

Fax: 393439999

Nếu không có sự cải thiện tích cực từ yếu tố dòng tiền tham gia thị trường thì xu thế giảm điểm có thể sẽ tiếp diễn trên chỉ số HNX-index. Thanh khoản tăng nhẹ trong phiên giảm mạnh của chỉ số cho thấy áp lực bán giá thấp tăng dần. Phiên hôm nay, HNX-Index đã chính thức mất ngưỡng 70 điểm và xu thế giảm có chiều hướng mạnh lên. Chỉ số sàn Hà Nội có hỗ trợ mạnh ở vùng 65 - 66 điểm và còn cách khá xa mức điểm hiện tại. Đối với sàn HOSE, chỉ số VN-index có khả năng tiếp tục dao động giảm dần quanh vùng 411, và hỗ trợ cuối cùng của chỉ số VN-index tại mức 394 điểm, tương ứng với mức fibonacci 61,8%.

HNX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	69.21 ↓	-0.89	-1.27%
KLGD (triệu ck)	37.92 ↑	13.59	55.83%
GTGD (tỷ đồng)	340.73 ↑	117.51	52.65%
Tổng cung (triệu ck)	52.95 ↑	9.79	22.68%
Tổng cầu (triệu ck)	50.64 ↑	19.47	62.48%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.93 ↑	0.38	70.22%
KL bán (triệu ck)	1.02 ↑	0.40	63.28%
Giá trị mua (tỷ đồng)	10.50 ↑	4.53	76.04%
Giá trị bán (tỷ đồng)	10.84 ↑	3.75	52.91%



Đồ thị HNX-Index.

Tổng quan kỹ thuật chỉ số HNX-index: Tiếp tục thiết lập trạng thái lower low (đáy thấp dần) trong diễn biến giao dịch, xu thế giảm trên HNX-Index đang mạnh dần lên khi KLGD tăng tương ứng với những phiên giảm mạnh của chỉ số.

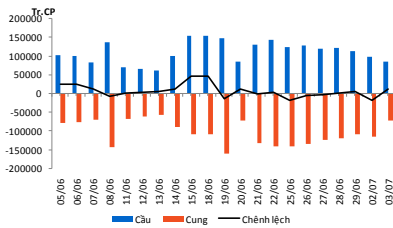
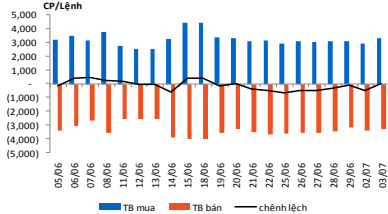
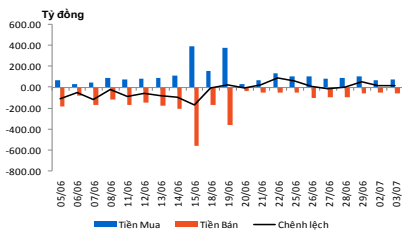
Thanh khoản khớp lệnh của HNX duy trì mức thấp dưới 40 triệu đơn vị một phiên với tình trạng nhiều cổ phiếu pennies không có dư mua và nhiều cổ phiếu không có giao dịch. Diễn biến trong những phiên gần đây, KLGD (Volume) có sự chuyển biến nhưng VOL tăng chỉ vào những phiên chỉ số giảm mạnh, thể hiện đặc trưng của áp lực bán giá thấp mạnh dần lên trong một bearish market.

ADX vượt lên trên giá trị 20 và tiếp tục góc tăng rất mạnh, xu thế giảm đang mạnh dần.

HNX-Index giảm mạnh vượt quá cả giới hạn đường giữa kênh dao động, điều này thể hiện khả năng hướng tới đáy kênh dao động là khá cao với chỉ số HNX-index.

Công cụ dòng tiền MFI duy trì dao động vùng OVER SOLD. Các tín hiệu cắt lên đường 30 (cross 30: Buy signal) sẽ không có ý nghĩa nếu như HNX-index đang trong xu thế giảm mạnh.

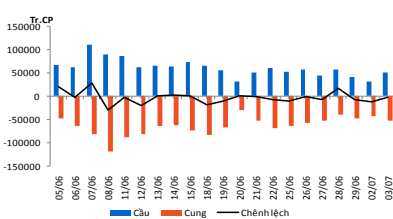
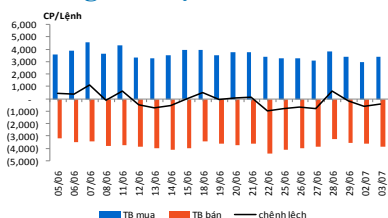
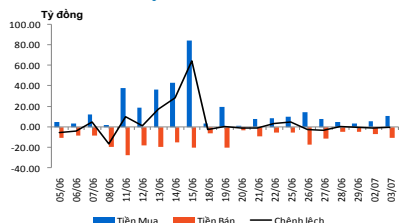
Hỗ trợ mạnh và có ý nghĩa nhất với HNX-index nằm ở vùng 66 điểm, còn cách xa ngưỡng điểm hiện tại.

HSX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Thị trường vẫn kém khởi sắc bất chấp việc giá xăng dầu giảm lần thứ 5 kể từ đầu năm. Sau khoảng 15 phút mở cửa VN-Index giảm 2.83 điểm, tương ứng 0.67% xuống 416.47 điểm sau 15 phút mở cửa. Thanh khoản chưa đến 1 triệu đơn vị, giá trị vên vện 12.56 tỷ đồng.

Với diễn biến ảm đạm, thanh khoản kiệt quệ gần hết buổi sáng, áp lực bán bất ngờ gia tăng trong khoảng 15 phút cuối đẩy thị trường rơi vào vòng xoáy giảm mạnh. Tạm khớp buổi sáng, VN-Index mất 6.29 điểm, tương ứng 1.5% xuống 413.01 điểm.

Cuối phiên, VN-Index đánh mất 6.21 điểm, tức 1.48% đóng cửa tại 413.09 điểm. Thanh khoản cải thiện đáng kể so với buổi sáng do lực cầu bắt đáy xuất hiện dù vẫn còn khiêm tốn, cụ thể, có 43.7 triệu đơn vị chuyển nhượng tại HOSE.

HNX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường Hà Nội:**

Sàn HNX xanh nhẹ từ đầu phiên, nhưng đà tăng khá yếu ớt. Sau khoảng 15 phút, chỉ số ghi nhận 0.05 điểm, tức 0.17% đạt 70.17 điểm. Giao dịch đạt khoảng 1.34 triệu đơn vị, tương đương 16 tỷ đồng. Nhưng chỉ ít phút sau đó, chỉ số đã quay đầu đi xuống phá vỡ mốc 70 điểm.

Kết thúc phiên buổi sáng, ới 176 mã giảm giá, SCR giảm kịch sàn, nhiều bluechips khác cũng rớt khá mạnh làm cho HNX-Index sụt giảm 1.18 điểm cuối buổi sáng, tương đương 1.68% xuống 68.91 điểm. Giao dịch chỉ tập trung một số mã lớn như VND, SCR, PVX, HBB, KLS, SHS... làm cho thanh khoản tiếp tục đạt thấp, với 18.5 triệu đơn vị, tương đương 162 tỷ đồng.

Ít phút cuối phiên xuất hiện lực đỡ các mã chủ chốt tại sàn này như VND, PXV, KLS, HBB, VCG... đều thu hẹp mức giảm chỉ còn khoảng 1- 2%. Điều này phần nào chặn đà rơi của HNX-Index. Theo đó, chỉ số đóng cửa tại 69.21 điểm, tức giảm 0.88 điểm (-1.26%).

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 3 cổ phiếu tăng giá, 2 cổ phiếu đứng giá và 13 cổ phiếu giảm giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PVR (tăng 5,36%). Cổ phiếu giảm giá nhiều nhất là PTL (giảm 4,44%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 1,89% và tổng khối lượng giao dịch đạt 10,183 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 03/07:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	4,700.0	2,700	↓ -2.08	0.41	12.70	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	3,200.0	13,900	↓ -3.03	0.31	29.09	HNX
3	PFL	CTCP Dầu khí Đồng Đô	4,400.0	135,400	→ 0.00	0.26	0.43	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	20,300.0	670,200	↓ -1.46	1.67	1.35	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	9,400.0	74,900	↓ -2.08	0.87	5.95	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	4,900.0	400	↑ 2.08	0.45	2.71	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	4,700.0	86,525	↓ -4.08	0.46	N/A	HNX
8	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	13,700.0	228,200	↓ -4.20	0.82	2.05	HNX
9	PVE	Tổng công ty Tư vấn và Thiết kế Dầu khí	10,500.0	55,100	↓ -0.94	1.84	4.79	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	10,400.0	314,700	↓ -1.89	0.67	7.48	HNX
11	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	17,000.0	13,400	→ 0.00	0.73	8.59	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	5,900.0	100	↑ 5.36	0.57	2.77	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	15,000.0	621,400	↓ -1.32	1.27	4.01	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	9,200.0	3,695,089	↓ -1.08	0.41	3.46	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	38,600.0	98,880	↑ 0.26	3.11	12.37	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	33,600.0	201,700	↓ -0.59	2.01	5.43	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	26,100.0	45,720	↓ -0.38	1.20	3.18	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	7,400.0	39,590	↓ -3.90	0.64	5.40	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	11,400.0	1,652,960	↓ -5.00	0.65	2.81	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	33,300.0	70	↓ -1.77	1.63	4.70	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	4,300.0	256,880	↓ -4.44	0.42	3.33	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	34,500.0	246,680	↓ -2.27	1.17	6.78	HSX
23	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	11,600.0	905,170	↓ -2.52	1.02	14.68	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	4,600.0	490,360	↓ -4.17	0.47	41.82	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	5,700.0	79,530	↓ -3.39	0.55	3.80	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	5,600.0	39,440	↓ -3.45	0.51	2.92	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	9,500.0	195,800	↓ -3.06	0.72	2.85	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	5,500.0	18,810	↓ -3.51	0.50	3.62	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Sao Mai - Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đồng Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
STB	22,000	22,000	0.00	41,462,457
SSI	20,100	19,300	-3.98	37,346,992
REE	15,800	15,800	0.00	32,779,714
PET	12,000	11,400	-5.00	18,860,395
EIB	18,400	18,300	-0.54	18,536,063

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
COM	28,100	29,500	1,400	4.98
BMC	40,600	42,600	2,000	4.93
DRL	22,500	23,600	1,100	4.89
TNA	15,900	16,600	700	4.40
HTV	11,600	12,100	500	4.31

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VSG	1,400	1,300	-100	-7.14
VES	1,800	1,700	-100	-5.56
ITC	10,000	9,500	-500	-5.00
NTL	20,000	19,000	-1,000	-5.00
LCM	20,000	19,000	-1,000	-5.00

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
REE	24,484	EIB	9,016
PVD	5,939	VCB	8,515
VNM	4,830	PET	8,067
VCB	4,460	VIC	7,501
FPT	3,767	PVD	5,729

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VND	9,700	9,600	-1.03	44,950
PVX	9,300	9,200	-1.08	33,376
SCR	9,500	9,100	-4.21	25,745
ACB	25,600	25,600	0.00	19,591
KLS	9,400	9,300	-1.06	15,974

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
TAG	20,000	21,400	1,400	7.00
VCM	15,800	16,900	1,100	6.96
INC	5,800	6,200	400	6.90
SD4	4,400	4,700	300	6.82
SAP	8,900	9,500	600	6.74

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
AGC	1,300	1,200	-100	-7.69
SIC	10,000	9,300	-700	-7.00
CAN	31,700	29,500	-2,200	-6.94
NGC	10,200	9,500	-700	-6.86
VC1	17,600	16,400	-1,200	-6.82

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
PGS	1,998	VND	5,130
DBC	1,569	AAA	1,028
BVS	1,431	VNR	880
PVX	959	SDT	615
HBB	567	FLC	540

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu– ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339